

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2017/HC-ST
Ngày: 07-09-2017
V/v khiếu kiện Quyết định
hành chính số 5393/QĐ-UBND
ngày 24/06/2015.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa : Bà Ôn Kim Chi

Các Hội thẩm nhân dân :

1- Ông Huỳnh Minh Chánh

2- Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Dương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Lân – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 08 năm 2017, ngày 07 tháng 09 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 33/2015/TLST-HC ngày 18/08/2015 về việc Khiếu kiện Quyết định hành chính số 5393/QĐ-UBND ngày 24/06/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2016/QĐST-HC ngày 25/05/2016, số 116/2017/QĐXXST-HC ngày 05/04/2017, số 139/2017/QĐXXST-HC ngày 04/05/2017, số 317/2017/QĐXXST-HC ngày 11/08/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 111/2016/QĐST-HPT ngày 22/06/2016 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1951. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trần Chí H, sinh năm: 1963. Địa chỉ: ấp 4, xã P, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền lập ngày 07/9/2015 tại Văn phòng Công chứng A, đường N, thị trấn T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng: 004245, quyền số 09/2015/HĐCD-CCAL). (Có mặt)

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

Địa chỉ: đường T, thị trấn N, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1973 - Chức vụ: Phó Chủ tịch - Nơi làm việc: Ủy ban nhân dân huyện B. Địa chỉ thường trú: đường H, phường N, quận P, thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền tham gia tố tụng số 3069/UQ-UBND ngày 09/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện B). (Vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện gồm có:

1- Ông Trần Văn Đ, sinh năm: 1962. Chức vụ: Phó Trưởng Phòng. Nơi làm việc: Phòng tài nguyên và môi trường huyện B. Địa chỉ thường trú: đường C, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp số 3195/UBND ngày 22/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện B). (Có mặt)

2- Ông Trần Ngọc V, sinh năm: 1977. Chức vụ: Phó Trưởng Ba. Nơi làm việc: Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B. Địa chỉ thường trú: đường Đ, xã

H, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp số 3247/UBND ngày 28/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện B). (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm : 1945. Địa chỉ : đường A, ấp 1, xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

2. Bà Lê Thị Ánh T, sinh năm : 1949. Địa chỉ : đường A, ấp 1, xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

3. Ông Đặng Hoài T, sinh năm: 1971. Địa chỉ : đường H, khu phố 3, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Hoài N, sinh năm : 1978. Địa chỉ : đường A, ấp 1, xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

5. Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm : 1980. Địa chỉ : đường B, khu phố 2, thị trấn T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

6. Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm : 1986. Địa chỉ : đường A, ấp 1, xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

7. Ủy ban nhân dân huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. Trụ sở: đường T, thị trấn T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện B: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1973 - Chức vụ: Phó Chủ tịch - Nơi làm việc: Ủy ban nhân dân huyện B. Địa chỉ thường trú: đường H, phường N, quận P, thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền tham gia tố tụng số 3070/UQ-UBND ngày 09/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện B). (Vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – Ủy ban nhân dân huyện B: Ông Trần Ngọc V, sinh năm: 1977. Nơi làm việc: Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B. (Theo giấy yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp số 3246/UBND ngày 28/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện B). (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 08 năm 2015, lời khai và biên bản đối thoại trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm người khởi kiện là ông Nguyễn Văn B và đại diện hợp pháp của người khởi kiện là ông Trần Chí H trình bày như sau:

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1579/QSDĐ/1998 ngày 16/9/1998 của Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho hộ ông Nguyễn Văn B là đất ở diện tích đất là 999m², nhưng Ủy ban nhân dân huyện B chỉ bồi thường cho gia đình ông B với phần diện tích đất ở là 640m² chứ không phải là 999m². Do đó ông B yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 5393/QĐ-UBND ngày 24/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, đồng thời phải xem xét bồi thường cho ông B phần đất ở không mặt tiền đường có diện tích 999m² đối với phần đất thuộc một phần thửa 116 tờ bản đồ số 01 (Tài liệu 299/TTg) Bộ địa chính xã T đúng như thực tế sử dụng đất của gia đình ông B. Ông B thống nhất đơn giá theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án đầu tư xây dựng công trình đường dây điện 500KV Phú Lâm-Ô Môn trên địa bàn huyện B.

Tại phiên tòa người khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 5393/QĐ-UBND ngày 24/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, đồng thời phải xem xét bồi thường cho ông B phần đất ở không mặt tiền đường có diện tích 999m² đối với phần đất thuộc một phần thửa 116 tờ bản đồ số 01 (Tài liệu 299/TTg) Bộ địa chính xã T đúng như thực tế sử dụng đất của gia đình ông B.

Tại Công văn số 47/UBND ngày 10/01/2017 người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B trình bày như sau :

Trên cơ sở Biên bản kiểm kê hiện trạng sử dụng đất và tài sản bị ảnh hưởng dự án của hộ ông Nguyễn Văn B do Ban Bồi Thường, giải phóng mặt bằng huyện B lập ngày 20/10/2011 và Phiếu kê khai nhà, đất và tài sản bị ảnh hưởng dự án của hộ ông Nguyễn Văn B ngày 07/06/2012 đã được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận tại Công văn số 299/UBND ngày 11/04/2014, bản đồ hiện trạng đất do Công ty TNHH đo đạc V lập ngày 04/04/2014 được UBND xã T xác nhận ngày 16/04/2014 và 02 bản đồ hiện trạng nhà do Công ty TNHH đo đạc V lập ngày 17/08/2014.

Căn cứ phương án số 206/PA-HĐBT ngày 14/10/2013, ngày 28/11/2013 Ban bồi thường lập phiếu chiết tính số 188/PCT-BBT về chi phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với hộ ông Nguyễn Văn B.

Ngày 28/11/2013 Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 8241/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn Văn B ; Địa chỉ thường trú: đường A, ấp 1, xã T, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình đường dây điện 500KV Phú Lâm-Ô Môn trên địa bàn huyện B (Sau đây gọi tắt là Dự án đường dây điện 500KV Phú Lâm-Ô Môn) (Đính kèm PCT số 188/PCT-BBT).

Ngày 23/12/2013 ông Nguyễn Văn B nộp đơn khiếu nại, ngày 07/01/2014 Thanh tra huyện lập biên bản tiếp xúc xác định nội dung khiếu nại Quyết định số 8241/QĐ-UBND ngày 28/11/2013.

Ngày 30/12/2013 Ban bồi thường lập phiếu chiết tính số 319/PCT-BBT về bổ sung chi phí bồi thường thiệt hại đối với hộ ông Nguyễn Văn B.

Ngày 10/03/2014 Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 4674/QĐ-UBND về bổ sung chi phí bồi thường đối với hộ ông Nguyễn Văn B ; Địa chỉ thường trú: đường A, ấp 1, xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh thuộc Dự án đường dây điện 500KV Phú Lâm-Ô Môn (Đính kèm PCT số 319/PCT-BBT).

Căn cứ Quyết định 66/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố ; Biên bản họp Hội đồng bồi thường Dự án số 264/BB-HĐBT ngày 09/12/2013 và Biên bản họp Hội đồng bồi thường Dự án số 52/BB-HĐBT ngày 13/03/2014, Ban bồi thường lập bản chiết tính số 412/PCT-BBT về bổ sung chi phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với hộ ông Nguyễn Văn B.

Ngày 16/04/2014 Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 5368/QĐ-UBND về bổ sung chi phí bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn Văn B; Địa chỉ thường trú: đường A, ấp 1, xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh thuộc Dự án đường dây điện 500KV Phú Lâm-Ô Môn (Đính kèm PCT số 412/PCT-BBT).

Ngày 09/06/2014 Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 7494/QĐ-UBND về thu hồi hủy bỏ quyết định số 7887/QĐ-UBND ngày 14/11/2013 của Ủy ban nhân dân huyện B ; Ngày 24/04/2014 Ban bồi thường lập phiếu chiết tính số 432/PCT-BBT về bổ sung chi phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với hộ ông Nguyễn Văn B ; Ngày 09/06/2014 Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 7495/QĐ-UBND (Đính kèm PCT số 432/PCT-BBT). Không đồng ý với các Quyết định chi phí bồi thường, hỗ trợ nêu trên của Ủy ban nhân dân huyện B hộ ông Nguyễn Văn B nộp đơn khiếu nại gửi Thanh tra huyện B, ngày 30/06/2014 Thanh tra huyện B lập biên bản làm việc xác định nội dung khiếu nại.

Căn cứ báo cáo số 259/BC-TTH ngày 28/07/2014 của Thanh tra huyện ; Báo cáo số 577/BC-TNMT ngày 10/10/2014 của Phòng Tài nguyên và Môi trường. Ngày 20/10/2014 Ban bồi thường lập phiếu chiết tính số 604/PCT-BBT về chi phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với hộ ông Nguyễn Văn B.

Ngày 21/11/2014 Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 14106/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ ông Nguyễn Văn B ; Địa

chi thường trú: đường A, ấp 1, xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh thuộc Dự án đường dây điện 500KV Phú Lâm-Ô Môn (Đính kèm PCT số 604/PCT-BBT).

Ngày 24/06/2015 Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 5393/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn B, cư trú tại số đường A, ấp 1, xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh (lần đầu), có nội dung : "... Bác toàn bộ nội dung ông Nguyễn Văn B khiếu nại yêu cầu bồi thường toàn bộ phần đất bị ảnh hưởng thuộc một phần thửa 1116, tờ bản đồ số 01 với diện tích 1210,5m² theo đơn giá đất ở không mặt tiền".

Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại, ông Nguyễn Văn B khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Căn cứ Phương án số 206/PA-HĐBT ngày 14/10/2013 quy định về bồi thường, hỗ trợ đối với đất và công trình trên đất thuộc hành lang an toàn lưới điện. Quy định về hàm mức đất ở để tính bồi thường, hỗ trợ, áp dụng theo quy định tại Quyết định số 225/2005/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố, cụ thể: "một lần hạn mức xã T là 250m²".

Căn cứ Công văn số 324/TNMT-PC ngày 19/03/2014 của Phòng Tài nguyên và Môi trường xác định: Phần đất thuộc thửa 1116 (tài liệu chỉnh lý năm 1992), tờ bản đồ số 01 được cấp giấy chứng nhận đất Thổ, diện tích 1.375m², tương ứng thửa 640, tờ bản đồ số 01 (tài liệu 299/TTg) được đăng ký trong Sổ đăng ký ruộng đất dưới tên bà Chung Thị H (mẹ ông Nguyễn Văn B), với tổng diện tích Thổ – Ao đăng ký là 640m² được xác định là đất ở.

Căn cứ khoản 2, Điều 45 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đất đai.

Từ những căn cứ trên, phần đất hộ ông Nguyễn Văn B bị ảnh hưởng trong dự án có diện tích 999m² thuộc một phần thửa 1116, loại đất "T", tờ bản đồ số 01, theo tài liệu 02/CT-UB, Bộ địa chính xã T thì diện tích đất ở đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ do hạn chế khả năng sử dụng là 640m² có vị trí không mặt tiền đường, phần diện tích còn lại là 359m² được bồi thường theo loại đất nông nghiệp.

Hộ ông Nguyễn Văn B khiếu nại yêu cầu bồi thường toàn bộ phần đất bị ảnh hưởng thuộc một phần thửa 1116, tờ bản đồ số 01 với toàn bộ diện tích 1.210,5m² theo đơn giá đất ở không mặt tiền đường là không có cơ sở. Việc Ủy ban nhân dân huyện B ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ và quyết định giải quyết khiếu nại đối với hộ ông Nguyễn Văn B là đúng quy định, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn B.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của người bị kiện vắng mặt và có nộp đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có ông Trần Văn Đ, ông Trần Ngọc V thống nhất ý kiến như trên.

Tại bản tự khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm có: Bà Nguyễn Thị C, bà Lê Thị Ánh T, ông Đặng Hoài T, ông Nguyễn Hoài N, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày như sau:

Bà C, bà T, ông T, ông N, bà T, bà N là thành viên hộ gia đình ông Nguyễn Văn B được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 1579/QSĐĐ/1998 ngày 16/09/1998

Ngày 28/11/2013 Ủy ban nhân dân huyện B đã ban hành Quyết định 8241/QĐ-UBND về việc Bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình của các ông bà để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng công trình đường dây điện 500KV Phú Lâm-Ô Môn trên địa bàn huyện B (Sau đây gọi tắt là Dự án). Nội dung bồi thường đất ở là diện tích 640m², với giá 1.611.000 đồng/m² đối với một phần thửa 1116 bị ảnh hưởng Dự án là không đúng thực tế. Tại Quyết định số: 5393/QĐ-UBND ngày 24/06/2015 (trang 6) khẳng định phần đất mà hộ gia đình ông Nguyễn Văn B bị ảnh hưởng trong dự án là 999m² thuộc

một phần thửa 116, tờ bản đồ số 01 (tài liệu 299/TTg)BĐC xã T với lý do: “ ... diện tích đất ở đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ do hạn chế khả năng sử dụng là 640m² có vị trí không mặt tiền đường ...” là điều hết sức vô lý, không đúng thực tế sử dụng đất, làm ảnh hưởng rất lớn đến quyền lợi của gia đình các ông bà. Do đó, các ông bà yêu cầu Tòa án tuyên hủy một phần Quyết định số: 5393/QĐ-UBND ngày 24/06/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, xem xét bồi thường cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn B phần đất ở không mặt tiền đường có diện tích là 999m² đối với phần đất thuộc một phần thửa 1116, tờ bản đồ số 01 (Tài liệu 299/TTg) BĐC xã T đúng như thực tế sử dụng đất của gia đình các ông bà, chứ không phải chỉ có 640m² như nhận định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

Tại phiên tòa Bà Nguyễn Thị C, bà Lê Thị Ánh T, ông Đặng Hoài T, ông Nguyễn Hoài N, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Nguyễn Thị Hồng N vắng mặt và có nộp đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân huyện B cử ông Nguyễn Văn Tài có đề cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là ông Trần Ngọc V, ông V trình bày giống như ý kiến của người bị kiện.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện B vắng mặt và có nộp đơn xin vắng mặt. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là ông Trần Ngọc V, ông V trình bày giống như ý kiến của người bị kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh ông Nguyễn Văn Lân phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định Luật tố tụng hành chính, nhưng có vi phạm Điều 130 Luật tố tụng hành chính.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ bản đồ hiện trạng vị trí đất do Công ty TNHH đo đạc V lập ngày 04/04/2014 thể hiện phần đất bị ảnh hưởng trong dự án đầu tư xây dựng đường dây điện 500KV Phú Lâm – Ô Môn thuộc một phần thửa 1116-1 với diện tích bị ảnh hưởng 999m², mục đích sử dụng (T) có vật kiến trúc, địa chỉ đường A, ấp 1, xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho hộ ông Nguyễn Văn B vào năm 1998. Căn cứ Điều 87 Luật đất đai năm 2003, căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Nay đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện. Hủy một phần Quyết định số 5393/QĐ-UBND ngày 24/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B theo quy định tại khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về áp dụng pháp luật tố tụng và áp dụng pháp luật nội dung:

[1.1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Văn B khởi kiện Quyết định số: 5393/QĐ-UBND ngày 24/06/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B. Đây là loại việc “Khiếu kiện quyết định hành chính không thuộc phạm vi bí mật Nhà nước trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, ngoại giao theo danh mục do Chính phủ quy định và các quyết định hành chính, hành vi hành chính mang tính nội bộ của cơ quan, tổ chức.” Được quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân.

Quyết định hành chính bị khiếu kiện là quyết định của cơ quan hành chính từ cấp huyện trở xuống trên cùng phạm vi địa giới hành chính với Tòa án, nên Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có thẩm quyền giải quyết, được quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật tổ tụng hành chính.

Về việc xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch huyện B và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện B: Theo giấy ủy quyền tham gia tố tụng đề cử ông Nguyễn Văn T là người tham gia tố tụng số 3069/UQ-UBND ngày 09/12/2016 và 3070/UQ-UBND ngày 09/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện B, ông T có nộp đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ giấy yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp số 3247/UBND ngày 28/12/2016 và số 3246/UBND ngày 28/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện B. Do đó, căn cứ Điều 157, Điều 158 là phiên tòa vẫn tiến hành xét xử.

Về thủ tục tiền tố tụng và thời hiệu khởi kiện: Ngày 24/06/2015 Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 5393/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn B, cư trú tại số đường A, ấp 1, xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh (lần đầu), không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại nên ngày 06 tháng 08 năm 2015 ông Nguyễn Văn B khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh. Do thời hiệu khởi kiện vẫn còn nên ông Nguyễn Văn B được quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 115, Điều 116 của Luật tố tụng hành chính.

Do vụ án có tình nhiều tiết phức tạp, việc nghị án đòi hỏi phải có thời gian dài để quyết định, theo quy định tại khoản 5 Điều 191 Luật tố tụng hành chính nên Hội đồng xét xử quyết định kéo dài thời gian nghị án từ ngày 31/08/2017 đến ngày 07/09/2017 (là 05 ngày làm việc) theo quy định khoản 5 Điều 191 Luật tố tụng hành chính.

[1.2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Người khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số: 5393/QĐ-UBND ngày 24/06/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B và xem xét bồi thường cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn B phần đất ở không mặt tiền đường có diện tích là 999m² đối với phần đất thuộc một phần thửa 1116, tờ bản đồ số 01 (Tài liệu CT-UB) BĐC xã T đúng như thực tế sử dụng đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn B.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện không đồng ý yêu cầu của người khởi kiện. Việc Ủy ban nhân dân huyện B ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ và quyết định giải quyết khiếu nại đối với hộ ông Nguyễn Văn B là đúng quy định, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn B.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị C, bà Lê Thị Ánh T, ông Đặng Hoài T, ông Nguyễn Hoài N, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu như người khởi kiện và nộp đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân huyện B có ông Nguyễn Văn T đã đề cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là ông Trần Ngọc V, ông V trình bày giống như ý kiến của người bị kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định Luật tố tụng hành chính, nhưng có vi phạm Điều 130 Luật tố tụng hành chính.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ bản đồ hiện trạng vị trí đất do Công ty TNHH đo đạc V lập ngày 04/04/2014 thể hiện phần đất bị ảnh hưởng trong dự án đầu tư xây dựng đường dây điện 500KV Phú Lâm – Ô Môn thuộc một phần thửa 1116-1 với diện tích bị ảnh hưởng 999m², mục đích sử dụng (T) có vật kiến trúc, địa chỉ đường A, ấp 1, xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho hộ ông Nguyễn Văn B vào năm 1998. Căn cứ Điều 87 Luật đất đai năm 2003, căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Nay đề nghị Hội đồng xét xử chấp

nhận yêu cầu của người khởi kiện hủy một phần Quyết định số 5393/QĐ-UBND ngày 24/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B theo quy định tại khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét tính hợp pháp của Quyết định số: 5393/QĐ-UBND ngày 24/06/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

- Về thẩm quyền ban hành: Quyết định số 5393/QĐ-UBND ngày 24/06/2015 của Chủ tịch UBND huyện B là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện B đối với Quyết định số 8241/QĐ-UBND ngày 28/11/2013 (Quyết định bổ sung số 4674/QĐ-UBND ngày 10/03/2014, Quyết định bổ sung số 5368/QĐ-UBND ngày 16/04/2014, Quyết định bổ sung số 7495/QĐ-UBND ngày 09/06/2014 và Quyết định số 14106/QĐ-UBND ngày 21/11/2014) của UBND huyện B.

Như vậy, việc ban hành Quyết định số 5393/QĐ-UBND ngày 24/06/2015 của chủ tịch UBND huyện B do Phó Chủ tịch UBND huyện B 1 Nguyễn Văn T ký thay Chủ tịch (Theo lĩnh vực phân công, ủy quyền thường xuyên) là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền.

- Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 5393: Sau khi ban hành Quyết định số 8241/QĐ-UBND ngày 28/11/2013 và một số quyết định bổ sung kèm theo Quyết định số 8241, ông Nguyễn Văn B khiếu nại Chủ tịch UBND huyện B.

Thanh tra huyện B có Công văn số 259/BC-TTH ngày 28/07/2014 và theo công văn số 577/BC-TNMT ngày 10/10/2014 của Môi trường huyện B ; đã báo cáo trình Chủ tịch UBND huyện B về kết quả xác minh, kiến nghị giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn B là đúng quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục ban hành quyết định giải quyết khiếu nại.

- Về nội dung Quyết định số 5393: Ông Nguyễn Văn B yêu cầu hủy một phần Quyết định số 5393/QĐ-UBND ngày 24/06/2015 của Chủ tịch UBND huyện B, nên chỉ xem xét phần đất bị ảnh hưởng Dự án đầu tư xây dựng công trình đường dây điện 500KV Phú Lâm – Ô Môn trên địa bàn huyện B đối với một phần thửa 1116, tờ bản đồ số 01 mà Quyết định số 5393 xác định diện tích đất ở được bồi thường là 640m² (theo giá đất ở không mặt tiền đường).

Thứ nhất: Theo bản đồ hiện trạng vị trí đất dự án đầu tư xây dựng đường dây điện 500KV Phú Lâm – Ô Môn (Do Công ty TNHH đo đạc V lập theo số hợp đồng: 22-381 ngày 16/04/2014) thể hiện một phần thửa 1116-1 (Đất Thổ vườn) có diện tích bị ảnh hưởng dự án là 999m² trên tổng diện tích bị ảnh hưởng dự án là 1.551m² (gồm một phần các thửa 1051, 1114, 1115, 1116 tờ bản đồ số 01, tài liệu 02/CT-UB, tương ứng với một phần thửa 65, tờ bản đồ số 19, tài liệu 2004 thuộc bộ địa chính xã T, huyện B). UBND huyện B xác định diện tích bồi thường 640m² đất ở không mặt tiền đường là không đúng thực tế và không phù hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn B.

Thứ hai: Căn cứ khoản 5, phần IX phương án số 206/PA-HĐBT ngày 14/10/2013 của UBND thành phố quy định về hạn mức đất ở để tính bồi thường, hỗ trợ áp dụng theo quy định của Quyết định 225/2005/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 cụ thể là: “một lần hạn mức xã T là 250m²”.

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 87 Luật đất đai năm 2003, quy định xác định đất ở đối với trường hợp có vườn, ao: “... 2. Đối với trường hợp thửa đất ở có vườn, ao được hình thành trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và người đang sử dụng có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật này thì diện tích đất vườn, ao đó được xác định là đất ở”.

Căn cứ khoản 2, Điều 45 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đất đai, quy định: “Trường hợp đất ở có vườn,

ao trong cùng thửa đất có nhà ở thuộc khu dân cư được sử dụng trước ngày 18/12/1980 mà trong hồ sơ địa chính hoặc các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật đất đai có ghi nhận rõ ranh giới thửa đất ở (hoặc thổ cư) thì toàn bộ diện tích đất đó được xác định là đất ở theo quy định tại khoản 2 Điều 87 của Luật đất đai ; Trường hợp ranh giới thửa đất chưa được xác định trong hồ sơ địa chính hoặc trên các giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật đất đai thì diện tích đất ở được xác định không quá năm (05) lần hạn mức diệc tích giao đất ở của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại khoản 2 Điều 83 và khoản 5 Điều 84 của Luật đất đai nhưng tổng diện tích không vượt quá diện tích đất mà hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng; phần diện tích còn lại sau khi đã xác định thửa đất ở thì được xác định theo hiện trạng sử dụng đất”.

Như vậy, phần đất mà hộ ông Nguyễn Văn B bị ảnh hưởng Dự án đầu tư xây dựng công trình đường dây điện 500KV Phú Lâm – Ô Môn trên địa bàn huyện B là 999m² (thuộc một phần thửa 1116, loại đất Thổ), không vượt quá 05 (năm) lần hạn mức là phù hợp quy định nêu trên.

Từ nhận định trên, không thể mặc nhiên xác định bà Chung Thị H (mẹ ông Nguyễn Văn B) đăng ký trong Sổ đăng ký ruộng đất với diện tích Thổ – Ao là 640m², mà không xem xét cho các thành viên hộ gia đình ông Nguyễn Văn B đang trực tiếp sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử đất đối với một phần thửa 1116 bị ảnh hưởng Dự án đầu tư xây dựng công trình đường dây điện 500KV Phú Lâm – Ô Môn trên địa bàn huyện B trên diện tích 999m².

Do các văn bản mà Ủy ban nhân dân huyện B áp dụng là văn bản dưới luật không phù hợp quy định của Luật đất đai năm 2003 (sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2010) nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B là phù hợp quy định pháp luật.

Về án phí: Người bị kiện chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 31, Điều 80, Điều 81, Điều 82, Điều 115, Điều 116, Điều 157, Điều 158, Điều 191, Điều 195, Điều 206 Luật tổ tụng Hành chính;

Căn cứ Điều 40 ; khoản 1, 2 và 5 Điều 50 ; khoản 2 Điều 83 ; khoản 5 Điều 84 và khoản 1, 2 Điều 87 Luật đất đai năm 2003 (sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2010);

Căn cứ khoản 2 Điều 45 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B tuyên hủy một phần Quyết định số 5393/QĐ-UBND ngày 24/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, đồng thời bồi thường cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn B đối với phần đất ở không mặt tiền đường, có diện tích 999m² thuộc một phần thửa 116 tờ bản đồ số 01 (Tài liệu 02/CT-UB) Bộ địa chính xã T.

- Hủy một phần Quyết định số 5393/QĐ-UBND ngày 24/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, đồng thời bồi thường cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn B đối với phần đất ở không mặt tiền đường, có diện tích 999m² thuộc một phần thửa 116 tờ bản đồ số 01 (Tài liệu 02/CT-UB) Bộ địa chính xã T.

- Về án phí: Chủ tịch Ủy ban nhân huyện B chịu án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Văn B 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AE/2011/09741 ngày 17/08/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo 15 ngày từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- THADS huyện Bình Chánh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Ôn Kim Chi